

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định quản lý nhà nước về hoạt động khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Thủy sản số 17/2003-QH11 ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản; Nghị định số 14/2009/NĐ-CP ngày 13/02/2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005;

Căn cứ Nghị định số 33/2010/NĐ-CP ngày 31/3/2010 của Chính phủ về quản lý hoạt động khai thác thủy sản của tổ chức, cá nhân Việt Nam trên các vùng biển;

Căn cứ Nghị định số 53/2012/NĐ-CP ngày 20/6/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về lĩnh vực thủy sản;

Căn cứ Thông tư số 02/2006/TT-BTS ngày 20/3/2006 của Bộ Thủy sản (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) Hướng dẫn thực hiện Nghị định của Chính phủ số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2006 về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản; Thông tư số 62/2008/TT-BNN ngày 20/5/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 02/2006/TT-BTS ngày 20/3/2006 của Bộ Thủy sản;

Căn cứ Thông tư số 25/2013/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 33/2010/NĐ-CP ngày 31/3/2010 của Chính phủ về quản lý hoạt động khai thác thủy sản của tổ chức, cá nhân Việt Nam trên các vùng biển và quy định chi tiết Điều 3 của Nghị định số 53/2012/NĐ-CP ngày 20/6/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về lĩnh vực thủy sản;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 2305/TTr-SNNPTNT ngày 07 tháng 10 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định quản lý nhà nước về hoạt động khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký; các nội dung khác ngoài Quyết định này thực hiện theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và văn bản có liên quan.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND Tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch Đầu tư, Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Công an tỉnh; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chi cục trưởng Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (b/cáo);
- Bộ NN&PTNT (b/cáo);
- Tổng cục Thủy sản (b/cáo);
- TT TU, HĐND tỉnh (b/cáo);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chánh, Phó VP UBND Tỉnh;
- Chuyên viên: NLN1, NC, TM2,3;
- TT Thông tin VPUB Tỉnh;
- Đài PTTH và Báo Quảng Ninh;
- Lưu: VT, NLN2 (40b)-QĐ 14/10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đặng Huy Hậu

QUY ĐỊNH

Quản lý nhà nước về hoạt động khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 24/8/2014/QĐ-UBND
ngày 22 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định về quản lý nhà nước đối với hoạt động khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản (sau đây viết tắt là KT&BV NLTS) trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

2. Đối tượng áp dụng: Các tổ chức, cá nhân, lực lượng vũ trang trong tỉnh, ngoài tỉnh có hoạt động trong lĩnh vực KT&BV NLTS trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Nguyên tắc chung

1. Hoạt động khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản phải đảm bảo kết hợp giữa phát triển kinh tế với bảo vệ tài nguyên, môi trường sinh thái biển; phát triển bền vững nguồn lợi thủy sản, nhằm đảm bảo lợi ích lâu dài của nhân dân và hiệu quả kinh tế cho toàn xã hội.

2. Hoạt động khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản phải theo quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành thủy sản; phải tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát khai thác nguồn lợi thủy sản tự nhiên và kiểm soát môi trường nhằm đảm bảo cân bằng sinh thái tự nhiên của các thủy vực.

3. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư vào hoạt động khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản bền vững, nhằm góp phần nâng cao hiệu quả về kinh tế, thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển bền vững nguồn lợi thủy sản.

4. Nghiêm cấm mọi hành vi gây tác hại trực tiếp hoặc gián tiếp đến nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của chúng.

5. Chủ động phòng, tránh và giảm nhẹ tác hại của thiên nhiên, bảo đảm an toàn cho người và phương tiện hoạt động khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Quy định cấm hoạt động một số nghề khai thác thủy sản

Ngoài các nghề cấm khai thác thủy sản theo quy định tại Thông tư số 02/2006/TT-BTS ngày 20/3/2006 của Bộ Thủy sản (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) hướng dẫn thi hành Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản; Thông tư số 62/2008/TT-BNN ngày 20/5/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 02/2006/TT-BTS ngày 20/3/2006 và Quyết định số 2393/2012/QĐ-UBND ngày 20/9/2012 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc Quy định cấm các nghề sử dụng máy bơm nước tạo áp lực để khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh bổ sung cấm một số nghề khai thác thủy sản như sau:

1. Cấm nghề cào khai thác nhuyễn thể (ngao, sò...) sử dụng tàu cá hoạt động tại vùng biển ven bờ.
2. Cấm nghề lờ dây (còn gọi là lồng xếp, lồng bát quai) khai thác thủy sản tại vùng biển ven bờ, các vùng nước tự nhiên thuộc cửa sông và vùng nước nội địa (trừ trường hợp khai thác trong đầm nuôi hoặc trong ao nuôi).
3. Cấm nghề lặn dưới mọi hình thức để khai thác thủy sản tự nhiên tại vùng biển ven bờ và vùng lồng.
4. Cấm các nghề đặng, đáy, nghề te xiệp hoạt động trong vùng biển ven bờ, các vùng cửa sông và vùng nước nội địa.
5. Cấm phát triển nghề lưới kéo tôm sử dụng tàu cá có tổng công suất máy chính dưới 50 CV.

Điều 4. Phân cấp quản lý vùng biển ven bờ

1. Phân cấp cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong Tỉnh thực hiện quản lý tổng thể vùng biển ven bờ thuộc ranh giới hành chính hiện hành của các huyện, thị xã, thành phố.
2. Phân cấp cho Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trong Tỉnh thực hiện quản lý vùng biển ven bờ thuộc ranh giới hành chính hiện hành của các xã, phường, thị trấn.
3. Nội dung phân cấp:
 - a) Quản lý hoạt động khai thác thủy sản.
 - b) Quản lý nguồn lợi thủy sản ven bờ; phát triển các mô hình đồng quản lý có sự tham gia của cộng đồng đối với nguồn lợi thủy sản ở vùng biển ven bờ.
 - c) Tổ chức công tác kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm đối với hoạt động khai thác thủy sản trong phạm vi vùng biển được phân cấp theo quy định của pháp luật.
 - d) Đối với các địa phương có vùng biển tiếp giáp nhau mà chưa phân định ranh giới hành chính rõ ràng thì Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn tiến hành hiệp thương phân chia vùng biển ven bờ làm căn cứ quản lý. Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì, chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã trực thuộc có vùng biển tiếp giáp nhau nhưng chưa phân định ranh giới hành chính rõ ràng thực hiện phân chia ranh giới tạm thời để tiện cho công tác quản lý, kiểm tra, kiểm soát.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 5. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên Phòng tỉnh, Sở Tài chính, các Sở, ban, ngành liên quan, UBND huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan truyền thông tổ chức triển khai thực hiện, phổ biến cho tổ chức, cá nhân có hoạt động trong lĩnh vực thủy sản.

2. Chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện thống nhất chỉ đạo việc khảo sát, xây dựng quy hoạch, kế hoạch quản lý KT&BV NLTS; hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ cho các địa phương trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về KT&BV NLTS.

3. Kiểm tra, kiểm soát các hoạt động khai thác thủy sản, các cơ sở sửa chữa đóng mới tàu thuyền khai thác thủy sản; kiên quyết xử lý những trường hợp cố tình vi phạm theo quy định của pháp luật.

4. Tham mưu ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ ngư dân chuyển đổi nghề nghiệp khai thác thủy sản vùng biển ven bờ; thực hiện quản lý dựa vào cộng đồng đối với vùng biển ven bờ; tham mưu hiệp thương xác định và công bố ranh giới vùng khai thác thủy sản ven bờ với thành phố Hải Phòng.

Điều 6. Trách nhiệm của các Sở, ngành, đơn vị liên quan

1. Các Sở, Ngành: Kế hoạch Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Thông tin và Truyền thông; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Công an tỉnh; Ban quản lý Vịnh Hạ Long; Ban quản lý Vườn Quốc gia Bái Tử Long có trách nhiệm phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện các nội dung công việc theo chức năng, nhiệm vụ được giao theo thẩm quyền.

2. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh phối hợp với các cơ quan chức năng tăng cường công tác tuần tra, kiểm tra, kiểm soát trên vùng biển đơn vị quản lý, không để xảy ra những vụ vi phạm hoạt động KT&BV NLTS.

Điều 7. Trách nhiệm UBND các huyện, thị xã, thành phố

1. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tuyên truyền phổ biến các quy định tại Quyết định này để các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện; tạo điều kiện thuận lợi để các cơ quan chức năng thực hiện tốt Quyết định này trên địa bàn; thống nhất quản lý chung trong phạm vi vùng biển được phân cấp.

2. Tổ chức quản lý, kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm trong hoạt động KT&BV NLTS trong vùng biển được phân cấp.

3. Bố trí nguồn lực và chỉ đạo các bộ phận chuyên môn, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn kiểm tra, quản lý chặt các cơ sở đóng mới, sửa chữa tàu

thuyền trên địa bàn; kiên quyết xử lý các cơ sở không đủ điều kiện đóng mới, sửa chữa, cải hoán tàu cá hoặc có đủ điều kiện nhưng cố tình đóng mới, cải hoán tàu cá không có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.

4. Phối hợp với cơ quan chuyên ngành thủy sản, các lực lượng chức năng thường xuyên thanh tra, kiểm tra, kiểm soát, xử lý những vụ việc vi phạm; triển khai các biện pháp bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản; chỉ đạo, xây dựng và phát triển các mô hình quản lý có sự tham gia của cộng đồng trong hoạt động khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên phạm vi vùng biển được phân cấp quản lý.

5. Hàng năm báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

Điều 8. Trách nhiệm UBND các xã, phường, thị trấn

1. Tuyên truyền phổ biến các quy định tại Quyết định này đến các tổ chức, nhân dân trong phạm vi quản lý biết để thực hiện; triển khai các biện pháp nhằm quản lý tốt các hoạt động KT&BV NLTS; xây dựng và phát triển các mô hình quản lý có sự tham gia của cộng đồng trong hoạt động khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên phạm vi vùng biển được phân cấp quản lý.

2. Tổ chức quản lý, kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm đối với hoạt động KT&BV NLTS trong phạm vi vùng biển được phân cấp quản lý; phối hợp với cơ quan quản lý chuyên ngành thủy sản, các lực lượng chức năng thường xuyên thanh tra, kiểm tra, kiểm soát, xử lý những vụ việc vi phạm.

3. Hàng năm báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân cấp huyện, thị xã, thành phố theo quy định.

Điều 9. Khen thưởng và kỷ luật

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện Quy định này sẽ được xem xét khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Quy định này, sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn và tổng hợp triển khai thực hiện Quy định này. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc, các sở, ngành, địa phương phản ánh gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Dương
Đặng Huy Hậu